

Số: 1070 BC-TMD

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN MÔNG DƯƠNG- VINACOMIN
NĂM 2021

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty cổ phần than Mông Dương - Vinacomin;**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700101203 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008, Đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 13 tháng 4 năm 2017.
- Vốn điều lệ: 214.183.460.000 đồng (*Hai trăm mười bốn tỷ, một trăm tám ba triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 214.183.460.000 đồng (*Hai trăm mười bốn tỷ, một trăm tám ba triệu, bốn trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn*).
- Địa chỉ: Phường Mông Dương, thành phố Cẩm phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại: (0203) 3868 271/ 3868 272.
- Fax: (0203) 3868 276.
- Website: mongduongcoal.vn
- Mã cổ phiếu: **MDC.**


Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 01 tháng 04 năm 1982 mỏ than Mông dương- Khe Chàm được thành lập trực thuộc Liên hiệp than Hòn Gai- Bộ Mỏ và Than;

Tháng 4 năm 1987 tách thành 2 mỏ: Mỏ than Mông Dương và Mỏ than Khe Chàm trực thuộc Công ty than Cẩm Phả- Bộ Năng Lượng;

Ngày 29 tháng 12 năm 1997 Mỏ than Mông Dương được chuyển thành doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân đầy đủ của Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam- Vinacomin) theo Quyết định số 24-1997/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp;

Ngày 01 tháng 10 năm 2001 Hội đồng Quản trị Tổng công ty than Việt nam ban hành Quyết định số 405/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Mỏ than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- Doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt nam.

Ngày 08 tháng 11 năm 2006 Hội đồng Quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2456/QĐ-HĐQT về việc đổi tên Công ty Than Mông Dương thành Công ty Than Mông Dương- TKV. 

Ngày 18 tháng 12 năm 2006 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3673/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Công ty Than Mông Dương- TKV.

Công ty Than Mông Dương- TKV đã thực hiện đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà Nước và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ 02 tháng 01 năm 2008 với tên giao dịch là: Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV. Công ty có vốn điều lệ là: 120.850.000.000 đồng (một trăm hai mươi tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng Việt Nam); trong đó vốn Nhà nước nắm giữ là: 54,03%;

Dưới sự hướng dẫn của Tập Đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam tại Công văn số 4648/TKV-HĐTV ngày 19/8/2010 và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Công ty đã làm thủ tục đổi tên Công ty từ Công ty cổ phần Than Mông Dương- TKV sang Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin và tăng vốn điều lệ từ 120.850.000.000 đồng lên 150.839.520.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu thưởng. Đăng ký vốn Điều lệ và đổi tên Công ty từ ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Năm 2016, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty đã phát hành 6.334.394 cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ để tăng vốn điều lệ từ 150.839.520.000 đồng lên 214.183.460.000 đồng. Đăng ký vốn Điều lệ của Công ty từ ngày 28 tháng 10 năm 2016.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
01	Truyền tải và phân phối điện	3512
02	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
03	Xây dựng nhà không để ở	4102
04	Xây dựng nhà để ở	4101
05	Xây dựng công trình công ích khác	4229
06	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
07	Xây dựng công trình đường sắt	4211
08	Xây dựng công trình đường bộ	4212
09	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
10	Sửa chữa thiết bị điện	3314
11	Sửa chữa thiết bị khác	3319
12	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
13	Phá dỡ	4311
14	Chuẩn bị mặt bằng	4312
15	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
16	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530

STT	Tên ngành	Mã ngành
17	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
18	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
19	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
20	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
21	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
22	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
23	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
24	Khai thác và thu gom than bùn	0892
25	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
26	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312
27	Lắp đặt hệ thống điện	4321
28	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
29	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
30	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
31	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
32	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
33	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
34	Khai thác và thu gom than cứng	0510 (chính)
35	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
36	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313

- Địa bàn hoạt động chính: Phường Mông Dương thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

- Cơ cấu tổ chức của Công ty, bao gồm:

+ Đại hội đồng cổ đông;

+ Hội đồng Quản trị: 05 thành viên;

+ Ban Kiểm soát: 03 thành viên;

+ Các tổ chức đoàn thể (Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên);

+ Ban Giám đốc có: 01 Giám đốc điều hành, 04 Phó Giám đốc;

+ Kế toán trưởng: 01 thành viên;

+ Các phòng ban, công trường phân xưởng gồm: 13 Phòng ban, 23 Phân xưởng đơn vị sản xuất.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển của Công ty

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Nâng cao hiệu quả hoạt động, tối đa hoá các khoản lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động,

tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước và không ngừng phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

- Chiến lược phát triển chung và dài hạn Trên cơ sở kế hoạch SXKD của từng năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT đề ra phương hướng nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Công ty điều chỉnh lại chiến lược sản xuất kinh doanh theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty ở từng thời điểm. Xây dựng Công ty Cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin trở thành một Công ty khai thác mỏ hầm lò hàng đầu của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam với công nghệ cơ giới hoá từ việc đi lại trong lò đến khâu khai thác.

+ Tập trung nguồn lực, phối hợp cùng với nhà thầu (Công ty Xây lắp mỏ) bố trí tối đa gương đẩy mạnh tiến độ thi công hệ thống các đường lò XV TT, sân ga, trạm điện, hầm bơm... mức -400 để khai thông chuẩn bị đảm bảo diện gói cho công ty các năm tiếp theo khi dần kết thúc mức khai thác trên -250, dự kiến hoàn thành toàn bộ số mét lò còn lại trong năm 2023 và kết nối với Giếng đứng phụ đào mới khi thi công xong. Phối hợp với đơn vị tư vấn và TKV hoàn thiện báo cáo kết quả khoan thăm dò mỏ than Bắc Cọc Sáu.

+ Tập trung đẩy nhanh công tác chuẩn bị cho dự án xuống sâu: Mục tiêu trong năm công ty xây dựng hồ sơ mời thầu để lựa chọn nhà thầu tư vấn lập dự án cuối quý II/2022 sẽ trình Tập đoàn hồ sơ dự án, sau đó tiếp tục triển khai các thủ tục đảm bảo tiến độ giữa năm 2023 đào mới Giếng đứng phụ +8/-425 để vận tải người, vật liệu, thông gió thoát nước cho mức -400: Chiều dài 438,5m, diện tích sử dụng $S_{sd}=28,3m^2$ (Đường kính sử dụng 6m). Giếng bố trí 01 hệ thống thùng cũ 02 tầng có nhiệm vụ vận chuyển người, vật liệu; 01 thùng cũ 2 tầng vận chuyển cứu hộ người, giếng được kết nối với các tầng đã khai thác. Khái toán tổng mức đầu tư dự kiến của dự án là: 1.330 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành công trình đưa vào sử dụng trong năm 2026.

5. Những khó khăn vướng mắc và các rủi ro:

- Đối với Công ty điều kiện làm việc trung ở độ sâu dưới từ mức -100 đến -400 so với mực nước biển, nằm dưới các khu vực đã khai thác cũ, khu vực đổ thải, khu vực đã khai thác lộ vĩa, các khu vực này đều có nguy cơ tàng trữ nước rồi thấm thấu trực tiếp xuống các đường lò từ mức -100 đến -400 gây nguy cơ bực nước, khí trong quá trình khai thác và đào lò.

- Bên cạnh đó công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn nhiều bất cập về thủ tục, hướng dẫn pháp luật... dẫn đến làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của công nhân.

- Thời gian công nhân để gắn bó làm việc với nghề khai thác mỏ là rất ngắn do đó việc đào tạo và bố trí nhân lực cho đủ dây chuyền sản xuất chưa đạt được.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

1- Kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện so với kế hoạch:

§

TT	Danh mục	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2020	KH	THỰC HIỆN NĂM 2021	% TH/KH	% Cùng kỳ năm 2020
A	Sản xuất						
I	Than sản xuất	Tấn	1.622.668	1.550.000	1.600.570	103,3	98,6
1	Than hầm lò	Tấn	1.512.228	1.500.000	1.545.511	103,0	102,2
2	Than Lộ thiên	Tấn	110.440	50.000	55.059	110,1	49,9
	- Nội bộ làm	“	19.265				
	- Than giao thầu	“	91.175	50.000	55.059	110,1	60,4
II	Bóc đất đá	M3	1.416.187	335.000	337.147	100,6	23,8
1	Tự làm	M3	307.314				
2	Thuê thầu khai thác	M3	1.108.872	335.000	337.147	100,6	30,4
III	Mét lò đào tổng số	M	21.101	19.750	20.510	103,8	97,2
1	Đào lò CBSX	M	21.101	19.750	20.510	103,8	97,2
	- Nội bộ làm	“	18.970	15.350	18.383	119,8	96,9
	- Mét lò neo	“	4.255	5.500	3.555	64,6	83,6
	- Mét lò đào thuê ngoài	“	2.131	4.400	2.127	48,3	99,8
B	Than tiêu thụ tổng số	Tấn	1.601.726	1.540.000	1.585.726	103,0	99,0
1	Than NK giao NMT	Tấn	1.418.495	1.450.000	1.380.808	95,2	97,3
2	Than sạch giao KV	Tấn	183.230	90.000	204.918	227,7	111,8
C	Giá trị đầu tư	Tr.đ	247.747	151.059	126.894	84,0	51,2
	Xây lắp	Tr.đ	2.422	9.877	10.870	110,1	448,8
	Thiết bị	Tr.đ	238.126	131.986	110.980	84,1	46,6
	Khác	Tr.đ	7.199	9.196	5.043	54,8	70,1
D	Doanh thu tổng số	Tr.đ	2.488.661	2.191.463	2.320.027	105,9	93,2
E	Lợi nhuận tổng số	Tr.đ	28.121	28.497	34.599	121,4	123,0
F	Số lao động	Người	3.415	3.294	3.398	103,2	99,5
G	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/t h	15.632	15.676	16.784	107,1	107,4
H	Lương BQ CN lò	Tr.đ/ng/t h	19.803	19.662	21.190	107,8	107,0
I	Tồn kho	Tấn	42.639		42.639		100,0

2. Tổ chức và nhân sự

a) Tóm tắt lý lịch của Ban Giám đốc điều hành: (chi tiết như phụ lục số 1)

b) Những thay đổi trong ban lãnh đạo điều hành:

- Trong năm 2021 danh sách về người có liên quan của Công ty có thay đổi 01 trường hợp do nhân sự chuyên công tác và nghỉ hưu, cụ thể: Trường hợp: PGĐ Hòa Quang Trung nghỉ chế độ hưu trí từ ngày 01/7/2021.

c) Số lượng cán bộ công nhân viên trong Công ty: Lao động danh sách đến thời điểm 31/12/2020 là 3.319 người; tăng 25 người so với KH đầu năm; tiền lương thực hiện bình quân 15,7 triệu đồng/người/tháng bằng 100%KH

d) Chính sách đối với người lao động

- Công ty tổ chức thực hiện đúng, đủ các chế độ chính sách đối với người lao động. Tổ chức khám bệnh cho cán bộ công nhân viên 01 lần/năm và đối với lao động nữ và làm việc nặng nhọc độc hại 02 lần/năm; Duy trì tắm nóng, ăn tự chọn, chế độ tiền lương được cải thiện. Ngoài việc bố trí nghỉ vào dịp lễ, tết Công ty còn tổ chức công nhân viên chức đi thăm quan, nghỉ mát và điều dưỡng...

- Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, thường xuyên cử cán bộ tham gia các khoá tập huấn, đào tạo ngắn hạn, dài hạn về các nghiệp vụ chuyên môn.

- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cao. Đồng thời Công ty áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh Công ty. Ngoài ra chế độ thăm hỏi, hiếu hỷ, ốm đau với người lao động cũng như người thân luôn được Công ty quan tâm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Theo kế hoạch ĐTXD năm 2021 được TKV thông qua tại văn bản số 6306/TKV-ĐT ngày 31/12/2020 và văn bản số 4799/TKV-ĐT V/v thông báo kế hoạch đầu tư năm 2021 điều chỉnh của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Quyết định số 196/QĐ-TMD ngày 29/01/2021 và QĐ số 2296/QĐ-TMD ngày 26/10/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin “V/v phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021”


3.1. Tình hình thực hiện một số dự án như sau:

3.1.1. Trả nợ khối lượng năm trước.

(1). Giá trị trả nợ khối lượng năm trước với tổng giá trị là 25.864 Tr.đ bao gồm các chi phí sau:

(i). Dự án Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác áp dụng Cơ giới hoá đồng bộ thu hồi than nóc hạng nhẹ:

Lũy kế thực hiện đến 31/12/2020 đạt 113.510 tr. đồng. Giá trị giải ngân đạt 112.366 tr. đồng. Giá trị còn lại chưa giải ngân năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 1.144 tr.đồng gồm: chi phí quản lý dự án. Đến thời điểm 31/12/2021 Công ty đã hoàn thành công tác giải ngân giá trị 1.144 tr. đồng.

(ii). Dự án Đầu tư thiết bị lò chợ giá thủy lực di động liên kết bằng xích: 

Lũy kế thực hiện đến 31/12/2020 đạt 30.677tr. đồng. Giá trị giải ngân đạt 24.616 tr. đồng. Giá trị còn lại chưa giải ngân của năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 6.061 tr.đồng gồm: chi phí mua sắm thiết bị giá chông. Đến thời điểm 31/12/2021 Công ty đã hoàn thành công tác giải ngân giá trị 6.061 tr. đồng.

(iii). BCKTKT Đầu tư hệ thống tự động hóa trạm quạt gió chính.

Lũy kế thực hiện đến 31/12/2020 đạt 13.479 tr. đồng. Giá trị giải ngân đạt 10.707 tr. đồng. Giá trị còn lại chưa giải ngân năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 2.772 tr.đồng gồm: chi phí mua sắm thiết bị giá chông. Đến thời điểm 31/12/2021 Công ty đã hoàn thành công tác giải ngân giá trị 2.772 tr. đồng.

(iv). Dự án Đầu tư thiết bị nâng cao năng lực đào lò mỏ than Mông Dương.

Lũy kế thực hiện đến 31/12/2020 đạt 22.627 tr. đồng. Giá trị giải ngân đạt 18.143 tr. đồng. Giá trị còn lại chưa giải ngân năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 4.484 tr.đồng gồm: chi phí thiết bị máy đào lò, máy xúc đá lật hông và hệ thống thiết bị khoan neo. Đến thời điểm 31/12/2021 Công ty đã hoàn thành công tác giải ngân giá trị 4.484 tr. đồng.

(v). Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2019.

Lũy kế thực hiện đến 31/12/2020 đạt 90.730 tr. đồng. Giá trị đã giải ngân 90.683 tr. đồng. Giá trị còn lại chưa giải ngân năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 48 tr.đồng gồm chi phí kiểm toán. Đến thời điểm 31/12/2021 Công ty đã hoàn thành công tác giải ngân giá trị 48 tr. đồng.

(vi). Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2020.

Lũy kế thực hiện đến 31/12/2020 đạt 41.810 tr. đồng, giá trị giải ngân đạt 30.455 tr. đồng. Giá trị còn lại chưa giải ngân năm 2020 chuyển sang năm 2021 là 11.355 triệu đồng (gồm chi phí mua sắm thiết bị), đến thời điểm 31/12/2021 Công ty hoàn thành giải ngân.

3.1.2. Công trình chuyển tiếp.

(i). Các công việc Kiểm toán dự án, thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành các dự án Công ty thực hiện chuyển tiếp từ năm 2020 sang năm 2021.

- *Báo cáo kinh tế kỹ thuật Đầu tư hệ thống tự động hóa trạm quạt gió chính*: Tổng chi phí đã thực hiện là 87 tr. đồng, năm 2021 Công ty đã thực hiện xong các công việc kiểm toán, thẩm tra và được HĐQT phê duyệt quyết toán dự án.

- *Dự án Đầu tư thiết bị nâng cao năng lực đào lò mỏ than Mông Dương*: Tổng chi phí Công ty đã thực hiện là 407 tr. đồng. năm 2021 Công ty đã thực hiện xong các công việc kiểm toán, thẩm tra và được HĐQT phê duyệt quyết toán dự án.

- *Dự án Đầu tư thiết bị lò chợ giá thủy lực di động liên kết bằng xích*: Tổng chi phí thực hiện là 280 tr. đồng. năm 2021 Công ty đã thực hiện xong các công việc kiểm toán, thẩm tra và được HĐQT phê duyệt quyết toán dự án.

- *Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2019*: Tổng chi phí thực hiện là 255 tr. đồng. năm 2021 Công ty đã thực hiện xong các công việc kiểm toán, thẩm tra và được HĐQT phê duyệt quyết toán dự án.

(ii). Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2020.

Khối lượng thực hiện dự án trong năm 2021 thực hiện được 60.522 tr. đồng 

chi phí thiết bị, lắp đặt thiết bị tời cáp treo trở người; Lắp đặt băng tải B1000; Công tác tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị; Quản lý dự án.

(iii). Dự án Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác áp dụng Cơ giới hoá đồng bộ thu hồi than nóc hạng nhẹ.

Khối lượng công việc còn lại của dự án gồm công tác quản lý dự án với tổng chi phí là 1.144 tr. đồng. Năm 2021 Công ty đã thực hiện xong và được HĐQT phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

3.2. Công trình khởi công mới.

(i). Dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2021.

Năm 2021 Công ty thực hiện:

- Công tác tư vấn: Hoàn thành gói thầu số 01 lập dự án đầu tư với tổng giá trị 470 tr. đồng.

- Công tác mua sắm thiết bị: Tiếp nhận đưa vào sử dụng thiết bị: Máy ép thủy lực; thiết bị điện phục vụ khai thác và đào lò; thiết bị an toàn, thiết bị công cụ phục vụ sản xuất; thiết bị văn phòng tương ứng với giá trị 20.595 tr. đồng.

(ii). BCNCKT Đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước phục vụ sinh hoạt 1000m³/ngày-đêm và xử lý nước thải sinh hoạt 200m³/ngày-đêm.

Hoàn thành đưa vào sử dụng trạm xử lý nước phục vụ sinh hoạt 1000m³/ngày-đêm và xử lý nước thải sinh hoạt 200m³/ngày-đêm tương ứng với giá trị 13.062 tr. đồng.

3.3. Công tác chuẩn bị dự án.

(i). BCNCKT Dự án khai thác giai đoạn II mỏ than Mông Dương - Công ty than Mông Dương (Điều chỉnh) (tầng từ -250 ÷ -400 khu TTMD và tầng từ -400 ÷ -550 khu TTMD)

Năm 2021 phê duyệt chủ trương đầu tư, đề cương dự toán chi phí lập dự án, phát hành hồ sơ mời thầu lập dự án.

(ii). BCNCKT Dự án đầu tư thiết bị nâng cao năng lực thông gió mỏ - Công ty cổ phần than Mông Dương.

Lập, trình HĐQT xin phê duyệt chủ trương đầu tư, đề cương-dự toán chi phí lập dự án.

(iii). Dự án đầu tư cải tạo mở rộng mặt bằng, cảnh quan môi trường khu trung tâm Mông Dương.

Lựa chọn và ký hợp đồng nhà thầu lập dự án và khoan khảo sát địa chất công trình. Hiện đơn vị tư vấn đang lập dự án đề đầu năm 2022 trình TKV.

(iv). BCNCKT dự án đầu tư xây dựng trạm biến áp 35/6kV mỏ than Mông Dương – Công ty CP than Mông Dương.

Lập, trình HĐQT xin phê duyệt chủ trương đầu tư, đề cương-dự toán chi phí lập dự án.

(v). BCNCKT dự án đầu tư phục vụ sản xuất năm 2022 Công ty cổ phần than Mông Dương.

Lựa chọn và ký hợp đồng nhà thầu lập dự án. Hiện đơn vị tư vấn đang lập dự án đề đầu năm 2022 trình TKV.

3.4. Kết quả thực hiện kế hoạch

Giá trị thực hiện đầu tư 126.894 Tr.đ/151.059 Tr.đ đạt 84 % kế hoạch. 

3.5. Các công ty con, công ty liên kết: Không có**4. Tình hình tài chính:****a) Tình hình tài chính năm 2020**

TT	CHỈ TIÊU	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM		So sánh (%)
		ĐẾN CUỐI QUÝ		
		NĂM NAY 2021	NĂM TRƯỚC 2020	
A	B	1	2	3=1/2*100
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.318.093.785.740	2.485.126.994.050	93,28
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.318.093.785.740	2.485.126.994.050	93,28
4	Giá vốn hàng bán	2.113.888.613.067	2.290.357.035.050	92,30
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	204.205.172.673	194.769.959.000	104,84
6	Doanh thu hoạt động tài chính	769.885.779	720.136.980	106,91
7	Chi phí tài chính	37.482.742.655	46.878.334.220	79,96
	Trong đó: chi phí lãi vay	37.482.742.655	51.838.478.939	72,31
8	Chi phí bán hàng	15.388.330.525	13.732.575.099	112,06
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	118.648.296.253	108.435.784.819	109,42
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	33.455.689.019	26.443.401.842	126,52
11	Thu nhập khác	1.163.572.148	2.732.032.263	42,59
12	Chi phí khác	20.748.422	1.054.245.027	1,97
13	Lợi nhuận khác	1.142.823.726	1.677.787.236	68,11
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.598.512.745	28.121.189.078	123,03
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.289.178.419	-	
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	30.309.334.326	28.121.189.078	107,78
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.415	1.313	107,78

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng, giảm
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+	Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn	0,59	0,51	86,06
+	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,56	0,46	82,17

2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,83	0,78	93,58
+	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	5,02	3,55	70,77
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+	Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	65,86	69,85	106,05
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,68	1,95	116,21
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,01	0,01	115,55
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,11	0,12	101,55
+	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,03	134,27
+	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,01	0,01	131,90

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần phổ thông: 21.418.346 cổ phần;
- Mệnh giá: 10.000 đồng;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Danh mục	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
A	Cơ cấu cổ đông	21.418.346	100%	16	2004
1	Cổ đông nắm giữ >50% cổ phần có quyền biểu quyết	13.921.925	65,0%	1	
2	Cổ đông nắm giữ >5 đến dưới 20% cổ phần có quyền biểu quyết	3.639.268	16,99%	1	
3	Cổ đông nắm giữ > 1 đến dưới 5 % cổ phần có quyền biểu quyết	0	0%		0
4	Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết	3.857.153	18,01%	14	2004
	<i>Trong đó cổ đông là CBCNV trong Công Ty</i>	463.398	2,03%		490
5	Cổ phiếu quỹ	0	0%		
B	Trong đó:				
1	Vốn Nhà nước	13.921.925	65,0%	1	
2	Vốn nước ngoài	3.727.433	17,4%	3	11

* Thông tin về từng cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty

1) Cổ đông là tổ chức Nhà Nước: Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam: nắm giữ 13.921.925 cổ phần, chiếm 65,0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2) Cổ đông là tổ chức nước ngoài: Raw & Refined Commodities ag – Thụy Điển: nắm giữ 3.639.268 cổ phần, chiếm 16,99 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Hiện tại Công ty không sở hữu cổ phiếu quỹ, trong năm 2021 Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ.

e. Các chứng khoán khác: (Không có)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Khai thác và thu gom than cứng theo công nghệ khai thác lò đứng. Nguyên vật liệu chủ yếu của Công ty là thiết bị đào lò và giàn chống, giá chống thủy lực phục vụ cho khai thác than.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tiêu thụ trực tiếp: 41.763.722 kw/h;

- Tiêu thụ gián tiếp: 786.136 lít dầu diesel và 1005 tấn than.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: 1.678.167 kw/h

6.3. Tiêu thụ nước xử lý nước thải:

a) Công ty cổ phần than Mông Dương- Vinacomin tiêu thụ nước sạch từ 02 nguồn cung cấp nước chính:

(i) Nguồn nước từ xử lý tái sử dụng từ các trạm xử lý nước thải mỏ;

(ii) Nguồn nước của Công ty nước sạch Cẩm Phả. Trong năm 2021 lượng nước tiêu thụ cụ thể như sau:

- Nước xử lý tái sử dụng phục vụ sinh hoạt tắm giặt (tại trạm xử lý nước mức +28): 120.000m³.

- Nước cấp phục vụ tưới đường đập bụi: 19.632m³;

- Nguồn nước của Công ty nước sạch Cẩm Phả phục vụ ăn uống, lọc nước tinh khiết là: 54.083 m³.

b) Tổng lượng nước thải đã xử lý qua Công ty TNHH MTV Môi trường TKV là: 9.496.153m³; Chi phí xử lý nước thải trong năm 2021: 37.620.170.150 đồng.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số lao động bình quân năm của Công ty: 3.398 người. Mức lương bình quân năm 2021: 16.784.000 đồng/người-tháng đạt 107,1% KH.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Đẩy mạnh cơ giới hóa trong đào lò và khai thác tại các khu vực có khả năng áp dụng dây chuyền cơ giới hóa để tăng năng suất lao động, giảm lao động dây chuyền, phục vụ (đưa lò chợ giá khung xích vào hoạt động thay thế lò chợ giá XDY, đầu tư máy đào lò, máy khoan 2 cần CMJ-17AH để tăng năng suất đào lò). Nghiên cứu, áp dụng các dây chuyền công nghệ phù hợp với khoáng sàng của Công ty tại các khu vực có điều kiện địa chất phức tạp (giàn chống mềm ZRY khai thác vỉa dốc, giá TLPT ZH1600 khai thác vỉa dày...) để tăng năng suất, giải phóng sức lao động cho công nhân.

- Duy trì và mở thêm tuyến tàu chở người từ trung tâm vào đến sát vị trí làm việc để giảm thời gian đi lại, đỡ mất sức cho công nhân; đầu tư, lắp đặt các thiết bị vận chuyển vật tư, vật liệu thi công tới gần vị trí làm việc ở tất cả các khu vực sản xuất để giảm mức độ nặng nhọc cho người lao động (hạn chế đến mức thấp nhất cung độ vận chuyển thủ công).

- Tăng cường công tác thông gió, quản lý khí, chống ồn, chống bụi, khắc phục sự lây lợi, vật tư, vật liệu bừa bộn, làm tốt vệ sinh công nghiệp trong hầm lò đảm bảo môi trường lao động trong hầm lò; tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp ở nhà giao ca, cửa lò, mặt bằng sân công nghiệp để thợ lò mới, học sinh về thực tập không có cảm giác sợ hãi, chán nản khi lần đầu tiếp xúc với thực tế.

- Xây dựng quy chế, quy định về tiền lương và chế độ, chính sách đảm bảo khuyến khích được người lao động, tạo động lực tăng năng suất, thu nhập cho người lao động để thu hút và giữ chân lực lượng lao động; Xây dựng quy định trả lương khoán cho cán bộ các PX gắn với công tác quản lý lao động, doanh thu để PX đổi mới tư duy, nhận thức, tầm nhìn từ đó có các phương pháp quản lý lao động phù hợp với xu thế xã hội và điều kiện cạnh tranh lao động hiện tại;

- Duy trì các chế độ ưu đãi đối với thợ lò về ăn ca theo hình thức tự chọn, xe đưa đón đi làm, tắm nước nóng, giặt quần áo bảo hộ lao động, điều dưỡng sức khỏe, rửa bụi phổi, khám sức khỏe định kỳ, đổi mới cách thức ăn bồi dưỡng giữa ca... ở mức độ cao hơn, chất lượng hơn.

- Hàng tháng, quý tổ chức tuyên dương, khen thưởng thợ lò, cơ điện lò là lao động giỏi, ngày công cao, đạt năng suất kỷ lục.

- Năm 2021 tăng lương cho các chức danh nghề công việc trong hầm lò từ 1,03 -:- 1,08 % so với năm 2020.

- Hỗ trợ tiền lương ngừng việc cho người lao động nghỉ cách ly do dịch bệnh Covid-19 theo Công văn số 1064/LĐTĐBXH-QHLĐVL, ngày 25/3/2020

của Bộ Lao động Thương binh & Xã hội và Quy chế tiền lương của Công ty với số tiền 1.466 triệu đồng.

- Tổ chức cho 1.700 CBCNV các đơn vị trong Công ty đi nghỉ dưỡng sức cuối tuần (vào thứ 7 và chủ nhật) theo Phương án số 724/PA-TMD, ngày 02/4/2021 đảm bảo an toàn phòng chống dịch.

- Tổ chức cho 247/320 CBCNV đi nghỉ mát, hỗ trợ điều trị cho người lao động tại các trung tâm điều dưỡng ngành than theo Phương án số 892/PA-TMD, ngày 20/4/2021 và tổ chức cho 07/25 CBCNV thuộc đối tượng mắc bệnh bụi phổi silico đi rửa phổi (số CBCNV đi nghỉ mát, hỗ trợ điều trị, rửa phổi không đạt KH do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19 diễn biến phức tạp nên phải tạm dừng triển khai một số đợt theo KH).

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm cho tất cả lao động làm việc trong Công ty, tổng số 6.375 lượt người. Khám sàng lọc phát hiện bệnh nghề nghiệp cho 2.148 công nhân, giám định thương tật sau TNLĐ cho 60 người, lập hồ sơ giám định bệnh nghề nghiệp cho 25 người.

- Hỗ trợ các lao động có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, xây nhà tình nghĩa, thăm hỏi ốm đau, tặng quà sinh nhật, hỗ trợ địa phương ... với số tiền 3.019.880.000 đồng.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Công tác quản lý lao động:

Đến thời điểm 31/12/2021 nhân lực theo danh sách của Công ty là 3.319 người/3.320 KH người bằng 99,9 % kế hoạch TKV, giảm 22 người so với thời điểm 31/12/2020, cơ cấu lực lượng lao động đã được sắp xếp hợp lý hơn theo chủ trương của Tập đoàn.

- Công tác tuyển dụng lao động:

* Các việc đã thực hiện:

+ Kéo dài tuyến xe đưa đón công nhân vào các huyện Bình Liêu, Ba Chẽ và Đầm Hà để thu hút thêm lao động vùng Miền Đông.

+ Giao chỉ tiêu tuyển lao động cho các đơn vị, đồng thời có chế độ khuyến khích hỗ trợ cao (2.000.000đồng/hồ sơ) tạo động lực cho CBCNV tham gia công tác tuyển dụng lao động cho Công ty.

- Duy trì và mở thêm tuyến tàu chở người từ trung tâm vào đến sát vị trí làm việc để giảm thời gian đi lại, đỡ mệt sức cho công nhân; đầu tư, lắp đặt các thiết bị vận chuyển vật tư, vật liệu thi công tới gần vị trí làm việc ở tất cả các khu vực sản xuất để giảm mức độ nặng nhọc cho người lao động (hạn chế đến mức thấp nhất cung độ vận chuyển thủ công).

- Tăng cường công tác thông gió, quản lý khí, chống ồn, chống bụi, khắc phục sự lầy lội, vật tư, vật liệu bừa bộn, làm tốt vệ sinh công nghiệp trong hầm lò đảm bảo môi trường lao động trong hầm lò; tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp ở nhà giao ca, cửa lò, mặt bằng sân công nghiệp để thợ lò mới, học sinh về thực tập không có cảm giác sợ hãi, chán nản khi lần đầu tiếp xúc với thực tế.

- Duy trì các chế độ ưu đãi đối với thợ lò về ăn ca theo hình thức tự chọn, xe đưa đón đi làm, tắm nước nóng, giặt quần áo bảo hộ lao động, điều dưỡng sức khỏe, rửa bụi phổi, khám sức khỏe định kỳ, đổi mới cách thức ăn bồi dưỡng giữa ca... ở mức độ cao hơn, chất lượng hơn.

- Hàng tháng, quý tổ chức tuyên dương, khen thưởng thợ lò, cơ điện lò là lao động giỏi, ngày công cao, đạt năng suất kỷ lục.

* Kết quả thực hiện năm 2021:

Theo kế hoạch Tập đoàn giao năm 2021 Công ty tuyển dụng 280 lao động (200 Thợ lò; 80 Cơ điện lò) để bổ sung, thay thế lao động nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động. Kết quả: Năm 2021 Công ty tuyển dụng 264 lao động (200 Thợ lò, 56 Cơ điện lò, khác 08). Công tác tuyển dụng lao động thực hiện đầy đủ theo quy chế và các văn bản hướng dẫn của Tập đoàn.

- Công tác tuyển học sinh nghề khai thác mỏ hầm lò gửi đi đào tạo tại Trường Cao đẳng TKV:

* Các việc đã thực hiện:

Công tác tuyển sinh: Xác định công tác tuyển sinh nghề khai thác mỏ hầm lò ngày càng khó khăn, đặc biệt đối với Công ty do đặc thù về điều kiện địa lý, khai thác ngày càng xuống sâu...nên ngay từ đầu năm Công ty đã tập trung triển khai nhiều giải pháp để thu hút học sinh như:

+ Công ty đã xây dựng Kế hoạch tuyển sinh đào tạo công nhân kỹ thuật các nghề mỏ hầm lò năm 2021 đã được Tập đoàn phê duyệt.

+ Kéo dài tuyến xe đưa đón từ Tiên Yên về Đầm Hà, Bình Liêu; kéo dài tuyến xe đưa đón từ Huyện Ba Chẽ sang Đồng Rui về Mông Dương.

+ Phối hợp với Trường Cao đẳng Than – Khoáng sản tổ chức 04 lớp đào tạo hệ sơ cấp khai thác mỏ hầm lò học tại Tiên yên cho 83 học sinh.

+ Có chế độ khuyến khích phù hợp cho CBCNV tham gia công tác tuyển sinh (thưởng 2.000.000 đồng/01 học sinh).

+ Mỗi quý một lần Công ty cùng Trường Cao đẳng Than – Khoáng sản tổ chức họp đánh giá kết quả tuyển sinh, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc để hoàn thành chỉ tiêu theo KH được giao.

* Kết quả thực hiện năm 2021:

- Năm 2021 Công ty đã phối hợp với Trường Cao đẳng Than – Khoáng sản tuyển dụng 150/200 học sinh nghề khai thác và Cơ điện mỏ hầm lò đạt 75% kế hoạch năm 2021 (Trong đó: Công ty tuyển 17/40 học sinh = 42,5% KH năm, Nhà trường tuyển: 133/160 học sinh, đạt 83% KH năm).

- Công tác đào tạo khác:

+ Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho 472 cán bộ, nhân viên các đơn vị trong Công ty.

+ Huấn luyện thêm nghề, bồi dưỡng tay nghề bậc thợ cho 174 công nhân các phân xưởng SX trong Công ty.

+ Huấn luyện chuyển giao công nghệ mới cho 198 cán bộ công nhân các đơn vị trong Công ty.

+ Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và đánh giá kỹ năng nghề theo Luật An toàn, cho 1.304 lượt người thuộc danh mục nghề bắt buộc phải đào tạo huấn luyện.

+ Đào tạo bồi dưỡng chính trị, an ninh, quốc phòng cho 75 cán bộ, công nhân viên trong Công ty, đạt 100% kế hoạch năm.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn hoàn thành nghĩa vụ SX đối với nhà nước, đời sống của cán bộ, công nhân viên luôn luôn được cải thiện, các phong trào quyên góp ủng hộ, công tác xây dựng địa phương, công tác xã hội luôn được Công ty coi trọng và tham gia đầy đủ; Chính sách thu hút nhân tài, người lao động luôn được quan tâm.

Năm 2021, Ban Lãnh đạo điều hành Công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện nhiều biện pháp: Từ đầu tư áp dụng công nghệ, cải thiện điều kiện đi lại và làm việc cho công nhân hầm lò, chăm lo đời sống vật chất tinh thần, ổn định sản xuất, đảm bảo việc làm, thu nhập của người lao động, duy trì các hoạt động phục vụ cộng đồng, tạo tiền đề cho việc duy trì và phát triển Công ty bền vững.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN. (Không có)

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2021 dịch bệnh COVID - 19 đã bùng phát trên phạm vi toàn cầu làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn TKV nói chung và của Công ty nói riêng. Với phương châm “vừa phòng, chống dịch Covid-19, vừa đảm bảo ổn định sản xuất, kinh doanh hiệu quả”.

Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp, giải pháp, sự chỉ đạo điều hành quyết liệt, linh hoạt, với tinh thần đoàn kết nội bộ của cả hệ thống chính trị và sự quan tâm giúp đỡ tạo điều kiện mọi mặt của các đ/c Lãnh đạo Tập đoàn, các Ban chuyên môn của TKV, kết thúc năm 2021 Công ty đã hoàn thành được các chỉ tiêu chủ yếu kế hoạch năm 2021; cụ thể:

- **Doanh thu:** Trong năm sản lượng than quy sạch của Công ty tiêu thụ: 1.382.000 Tấn/KH 1.322.500 tấn bằng 104,5% KH, doanh thu sản xuất than thực hiện là 2.306,7 tỷ đồng/KH: 2.191,5 tỷ đạt 105,2%KH và bằng 106% so với cùng kỳ năm 2020 (Đã loại trừ doanh thu do chuyển quỹ tập trung sang chi phí sản xuất).

- **Nộp ngân sách nhà nước:** Trong năm 2021, Công ty đã nộp NSNN là 516,7 tỷ đồng cao hơn so với cùng kỳ năm trước là 21 tỷ nguyên nhân chủ yếu do tiền cấp quyền khai thác phải nộp tăng 9,6 tỷ; tiền thuế tài nguyên phải nộp năm 2021 giảm do đơn giá tính thuế thấp hơn 2020.

- **Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu:** 4,06/4,75 lần theo KH TKV giao; Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn là 0,51/0,51 lần KH được TKV giao; Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu là 13,08 %, cao hơn so với năm 2020 là 1,65%. Tỷ suất lợi nhuận/tài sản (ROA) trong năm 2021 là 2,9 % tăng so với cùng kỳ năm 2020 là 1,0%.

- **Lợi nhuận:** 38 tỷ đồng đạt 133,3% KH năm (KH: 28,5 tỷ đồng) bằng 135,1% so với cùng kỳ năm 2020.

- **Tổng tài sản năm 2021** là là 1.202 tỷ đồng giảm 18,8 % so với cùng kỳ năm 2020. Sau khi trích lập dự phòng mua bảo hiểm tài sản theo quy định, công ty đạt lợi nhuận trước thuế như nêu ở trên, điều này cho thấy công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn kinh doanh.

- **Giá thành thực hiện:** 1.643.116 đ-tấn/KH: 1.635.513 đ-tấn bằng 100,5%KH.

- **Lao động và thu nhập:** Lao động danh sách 31/12 là 3.319 người; tăng 25 người so với KH đầu năm (Số lượng công nhân tuyển mới đến thời điểm hiện tại là 264 người/KH năm: 280 người đạt 94,2% KH và bằng 79,5% so với cùng kỳ năm 2020). Số công nhân nghỉ chế độ hưu trí: 14 người, số công nhân thực hiện NVQS: 4 người, số công nhân sa thải, nghỉ VLD, chấm dứt hợp đồng: 267 người; TNLĐ, ốm mắt: 6 người); Tiền lương thực hiện bình quân là 15,700 triệu đồng/người/tháng bằng 100,1% KH: 15,676 triệu đồng/người/tháng (Tăng 100,4% so với cùng kỳ năm 2020); năng suất tính theo doanh thu bằng 56,57 triệu đồng/người/tháng (Tăng 106,2 % so với cùng kỳ năm 2020); năng suất LĐ sản xuất than thực hiện 37,9 tấn/người/tháng (Tăng 102,7% so với cùng kỳ năm 2020).

- **Than SX:** Thực hiện 1.600.500T/KH: 1.550.000T đạt 103,2%KH; bằng 98,6% cùng kỳ năm 2020. Trong đó:

+ Than SX hầm lò thực hiện 1.545.500T/KH: 1.500.000T đạt 103%KH; bằng 102,2% cùng kỳ năm 2020.

+ Than SX LT thực hiện 55.000T/KH: 50.000T đạt 110%KH; bằng 60,3% cùng kỳ năm 2020.

- **Đào lò CBSX:** Thực hiện 20.500m/KH: 19.750 m đạt 103,8%KH; bằng 96,8% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó:

+ Mét lò đào nội bộ thực hiện: 18.380m/ KH: 15.350m đạt 119,7%KH.

+ Lò thuê ngoài: 2.120m/KH: 4.400m đạt 48,1%KH.

+ Mét lò neo thực hiện: 3.550m/KH: 5.500m đạt 64,5%KH.

- **Đất bóc:** Thực hiện 337.000m³/KH: 335.000m³ đạt 100,6%KH bằng 23,8% cùng kỳ năm 2020.

- **Than tiêu thụ:** Tổng số thực hiện 1.586.000T/KH: 1.540.000T đạt 102,9% KH; bằng 99% cùng kỳ năm 2020. Trong đó:

+ Than nguyên khai giao tuyển: Thực hiện: 1.381.000T/KH: 1.450.000 tấn đạt 95,2%KH

+ Than sạch giao kho vận: 205.000T/KH: 90.000 tấn đạt 227,6%KH

- **Tồn kho:** 42.600 tấn bằng 111,1% cùng kỳ năm 2020; trong đó

+ Tồn kho TT: 11.100T

+ Tồn kho +30H10: 31.500T

Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty năm 2021 được tóm lược cơ bản bởi những thành tựu và điểm nhấn nổi bật như sau:

- Là 1 trong 3 năm sản lượng than sản xuất hầm lò đạt công suất thiết kế (1,5 triệu tấn) về đích kế hoạch ngày 18/12 sản lượng của năm.

- Là năm thành công lớn trong công tác đầu tư công nghệ mới: Mặc dù năm thứ hai đưa lò chợ CGH vào hoạt động tuy nhiên đã vượt công suất thiết kế

(Thực hiện 320.000T/CSTK:300.000T), đây cũng là nguyên nhân góp phần vào việc hoàn thành sản lượng sớm của công ty. Ngoài ra trong năm công ty đầu tư 01 lò chợ giá khung xích và thực hiện cũng vượt sản lượng thiết kế (TH: 170.000T/KH: 160.000T). Việc thành công của công tác cơ giới hóa trong khai thác than lò chợ của công ty khẳng định thêm chủ trương đúng đắn của Tập đoàn, sang năm 2022 công ty tiếp tục triển khai đầu tư thêm 1 lò chợ giá khung xích để thay thế dần công nghệ chống giữ bằng giá XDY đã cũ và lạc hậu.

- Chuẩn bị dự án khai thác của tầng -250÷-550 được triển khai quyết liệt: Trong năm 2021 công ty đã trình và được TKV phê duyệt phương án kỹ thuật xuống sâu. Phần thăm dò địa chất đã được HĐ đánh giá trữ lượng quốc gia phê duyệt báo cáo khoan thăm dò nâng cấp trữ lượng làm cơ sở để công ty triển khai lập dự án.

- Là năm công ty tiếp tục triển khai chiến lược phát triển theo chỉ đạo của TKV một cách bài bản, khu mỏ Bắc Cọc 6 công ty đã tiến hành khoan thăm dò và lập xong báo cáo trình HĐ đánh giá trữ lượng quốc gia, dự kiến quý II-2022 sẽ phê duyệt xong làm cơ sở để công ty lập dự án mở rộng sang mỏ Bắc cọc 6.

- Là năm công tác môi trường có nhiều điểm nhấn nổi bật: Công ty đã xây dựng hoàn thành trạm xử lý nước sinh hoạt mới công suất 1000m³/ng-đ và trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 200m³/ng-đ với tổng giá trị > 13 tỷ đồng. Xây dựng xong hệ thống đường chống lầy lội, trạm phun sương khu vực mặt bằng trung tâm với giá trị >5 tỷ đồng...góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt và làm việc của CB CNV trong toàn công ty.

- Là năm điều kiện vận tải của toàn công ty được cải thiện rõ rệt: Công ty đã đầu tư lắp đặt xong hệ thống tời dây phục vụ người đi lại và hệ thống băng tải vận tải than tại tuyến thượng VC mức -250 ÷ -400. Hệ thống đường sắt được đầu tư sửa chữa định kỳ thường xuyên cùng với hệ thống vận tải chung góp phần vào đáp ứng được năng lực vận tải đạt sản lượng theo công suất thiết kế của công ty.

- Là năm có nhiều sự thay đổi trong cơ cấu tổ chức nhân sự: Công ty bổ nhiệm 1 phó giám đốc An toàn, TP. TCNS, TP. ĐK, QĐ. PX KT5...và bầu kiện toàn đồng chí Bí thư ĐTN mới thay cho đồng chí Bí thư ĐTN cũ nhận nhiệm vụ TP. TC Đảng tại VP ĐU Công ty.

- Công tác văn hóa thể thao thi đua đạt nhiều thắng lợi trong đó nổi bật là đoàn CCM BC được giải nhất toàn đoàn tại hội thi do TKV tổ chức và giải A báo chí công tác xây dựng Đảng của tỉnh Quảng Ninh...

- Công tác chăm lo sức khỏe cho người lao động được quan tâm ngày một tốt hơn, mặc dù chịu ảnh hưởng nhiều bởi dịch Covid-19 tuy nhiên công ty vẫn sắp xếp, bố trí cho CBCN các phân xưởng đi nghỉ cuối tuần đúng theo chỉ đạo và hỗ trợ của TKV đồng thời vẫn đảm bảo an toàn mỗi người không để ảnh hưởng tới sản xuất. Về tiêm vắc xin phòng ngừa Covid đến thời điểm hiện tại cơ bản công ty đã bố trí tiêm cho toàn bộ CB CNV trong toàn công ty. Tiền lương và thu nhập của CBCNV ổn định và ở mức cao trong khu vực vùng Cẩm Phả.

- Trong năm công ty đã ủng hộ, hỗ trợ địa phương trong công tác phòng chống mưa bão, dịch Covid.... với số tiền hơn 3 tỷ đồng trong đó hỗ trợ phường Mông Dương ≈ 1 tỷ đồng để cải tạo, nâng cấp tuyến đường nội bộ cạnh nhà Văn

hóa công ty và trường cấp III Mông Dương để giúp các cháu học sinh là con, em CBCNV trong công ty thuận lợi hơn trong việc đi lại học tập.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản năm 2021:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020 (đồng)	Năm 2021 (đồng)
1	Tổng tài sản (trong đó)	1.481.383.706.676	1.189.111.511.062
1.1	Tài sản ngắn hạn	496.288.846.056	312.398.420.924
1.2	Tài sản dài hạn	985.094.860.620	876.713.090.138
	Trong đó: TSCĐ HH	564.597.656.597	547.237.613.590
2	Doanh thu thuần	2.485.126.994.050	2.318.093.785.740
3	Lợi nhuận trước thuế	28.121.189.078	34.598.512.745
4	Lợi nhuận sau thuế	28.121.189.078	30.309.334.326

Trong năm 2021, Công ty đã đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ các dự án khai thác, duy trì sản xuất với tổng mức đầu tư là: 88.085 triệu đồng. Hình thành tài sản cố định trích khấu hao (tăng tài sản) là : 120.625 triệu đồng. Thiết bị đầu tư dở dang cuối kỳ là: 1.784 triệu đồng.

Giá trị tài sản giảm trong năm là: 56.918 triệu đồng. (Trong đó tài sản thanh lý không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật là 53.707 triệu đồng).

- Hiệu quả sử dụng tài sản cố định năm 2021 được đánh giá qua chỉ tiêu Doanh thu thuần /Giá trị tài sản cố định đạt: 4,42 (Tỷ số này cao chứng tỏ tình hình hoạt động của doanh nghiệp tốt đã tạo ra doanh thu thuần cao hơn so với tài sản cố định, việc đầu tư vào tài sản cố định của doanh nghiệp là xác đáng, cơ cấu hợp lý, hiệu suất sử dụng cao).

- Ngoài chỉ tiêu đã nêu trên thì công tác theo dõi trích khấu hao tài sản cố định phục vụ cho sản xuất để thu hồi vốn đầu tư của Công ty được thực hiện đầy đủ, đúng với quy định của pháp luật thuế và chuẩn mực kế toán doanh nghiệp.

b) Tình hình nợ phải trả:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020 (đồng)	Năm 2021(đồng)	% Tăng giảm
(A)	(B)	1	2	(3=2/1)
A	Nợ ngắn hạn: Trong đó	838.687.309.734	613.454.086.964	73,14
1	Vay và nợ ngắn hạn	247.678.483.439	188.529.246.519	76,12
2	Phải trả người bán	421.890.738.085	280.759.191.924	66,55
B	Nợ dài hạn	396.541.600.077	314.387.481.985	79,28
1	Vay và nợ dài hạn	392.669.272.733	290.183.651.312	73,90
C	Tổng nợ phải trả (A+B)	1.235.228.909.811	927.841.568.949	75,11

Tổng các khoản nợ phải trả giảm so với đầu kỳ là: 307.387 triệu đồng, tương ứng giảm 24,89%. Không có nợ quá hạn, nợ xấu. Nợ phải trả ngắn hạn giảm 225.233 triệu đồng, tương ứng giảm 26,86 %, nợ dài hạn giảm 82.154 triệu đồng, tương ứng giảm 20,72%. Nguyên nhân chủ yếu năm 2021 Công ty vẫn thu xếp ổn định dòng tiền để thực hiện nộp ngân sách Nhà nước, trả nợ người bán và trả lương CBCNV đúng thời hạn quy định.

Để thực hiện tốt khâu thanh toán nợ Công ty đã tăng cường công tác kiểm tra hồ sơ, chứng từ, hợp đồng mua bán, đối chiếu công nợ hàng tháng, quý, năm. Thực hiện nghiêm túc quy định thanh toán của Tập đoàn, tích cực thu hồi công nợ phải thu giảm nợ phải trả. Khắc trương hoàn thành các hạng mục công trình đầu tư bàn giao đưa vào sử dụng tăng tài sản trích khấu hao để có nguồn trả nợ gốc vay dài hạn. Linh hoạt trong sử dụng dòng tiền để hạn chế vay nợ ngắn hạn, cân đối vay nợ dài hạn cho phù hợp, tiết kiệm nguồn vốn để giảm gốc vay và lãi vay ngân hàng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã thực hiện xong các nội dung theo Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020 đã được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 491/QĐ-TKV ngày 30/3/2018, trong quý I năm 2021 đang triển khai xây dựng Đề án tái cơ cấu trong giai đoạn tiếp theo để triển khai thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tiếp tục vận động số lao động dôi dư ở các khâu phục vụ phụ trợ và gián tiếp đủ điều kiện về nghỉ chế độ, nhằm giảm tỷ trọng lao động gián tiếp và phục vụ phụ trợ về sát với tỷ trọng theo mô hình mẫu.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Lựa chọn các giải pháp để duy trì và phát triển sản xuất của Công ty theo hướng phát triển bền vững;

Nâng cao đời sống vật chất tinh thần, văn hóa xã hội cho toàn thể CBCNV trong Công ty và gia tăng các giá trị phục vụ lợi ích cộng đồng;

Thực hiện các giải pháp gắn kết phát huy được vai trò, sức mạnh của các tổ chức Chính trị - Xã hội để phát triển Công ty.

5. Giải trình Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có (Kiểm toán độc lập chấp nhận toàn phần).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

a) Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường:

Năm 2021, Công ty đã thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường cụ thể: Đã kiểm soát được chất lượng môi trường không để các tác động tiêu cực đến môi trường không khí, môi trường nước và môi trường đất vượt các Quy chuẩn môi trường tương ứng.

Đầu tư và duy trì sửa chữa các công trình hạ tầng trong các khu vực mặt bằng công nghiệp mở đảm bảo khung trang sạch đẹp sẽ góp phần cùng địa phương xây dựng thành phố Cẩm Phả.

- Hàng năm thực hiện nạo vét khai thông các tuyến cống rãnh và suối thoát nước trong khu vực, quét dọn vệ sinh môi trường trong mặt bằng công nghiệp mở, các tuyến đường và khuôn viên phục vụ các hoạt động chung của Công ty và cộng đồng dân cư.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Công ty luôn đảm bảo tất cả cán bộ công nhân viên của Công ty ký hợp đồng từ 01 năm trở lên đều được tham gia đủ chế độ Bảo hiểm xã hội theo đúng

quy định của Nhà nước. Đồng thời được cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định, đảm bảo môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ. Khen thưởng các nhân viên có thành tích tốt trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hàng năm Công ty còn trích từ chi phí sản xuất hỗ trợ cho CBCNV đi thăm quan nghỉ mát. Ngoài ra trong năm Công ty còn tổ chức 02 đợt khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, để kịp thời phát hiện các trường hợp có bệnh hoặc sức khỏe yếu để đưa đi điều trị, phục hồi chức năng tại các cơ sở của Tập đoàn và Nhà nước. Công ty tin rằng đời sống ổn định và sự an tâm về mặt tinh thần sẽ giúp người lao động có thêm động lực trong lao động, đạt hiệu quả cao trong kinh doanh và hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đặt ra.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong năm 2021, HĐQT Công ty tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc rà soát lại các quy chế đã ban hành và xây dựng một số quy chế mới để trình HĐQT xem xét phê duyệt và ban hành áp dụng cho phù hợp với các quy định của pháp luật và của TKV. Năm 2021, Giám đốc điều hành Công ty đã trình HĐQT phê duyệt các Quy chế nhằm tăng cường quản lý Công ty trên các mặt quản lý cán bộ, An toàn vệ sinh lao động...; Trong SXKD của Công ty; Đảng ủy, Công đoàn và Giám đốc điều hành đã ký các Nghị quyết Liên tịch để thống nhất lãnh đạo điều hành trong các mặt hoạt động phong trào của CBCNV và người lao động của Công ty. Qua hoạt động giám sát, HĐQT đánh giá:

- Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, quyết định của HĐQT; các Quy chế, Quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Giám đốc đã trình HĐQT thực hiện sắp xếp lại mô hình tổ chức, tái cơ cấu lực lượng lao động theo hướng giảm lao động phục vụ phụ trợ, tăng cường và ưu tiên chế độ cho thợ có tay nghề bậc cao, ban hành lại các quy chế phù hợp với quy định của Nhà nước.

- Công tác An toàn: Với mục tiêu “An toàn là số một”, năm 2021 vừa qua, Công ty tổ chức huấn luyện AT-VSLĐ cho các đối tượng theo đúng kế hoạch đề ra. Triển khai đồng bộ các biện pháp đảm bảo an toàn, tăng cường kiểm tra công tác an toàn lao động (định kỳ, đột xuất). Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ý thức tự chủ an toàn cho người lao động, và duy trì việc theo dõi thực hiện công tác an toàn qua hệ thống Camera giám sát.

- Công tác An ninh trật tự: Tiếp tục được duy trì ổn định, thực hiện quyết liệt, ngăn chặn việc xâm nhập khai trường, kiểm soát người và thiết bị hoạt động tại khai trường và ra vào khai trường... Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo vệ tài nguyên, ranh giới mỏ.

- Công tác thi đua-khen thưởng: Ngay từ đầu năm, Công ty đã phát động phong trào thi đua lao động sản xuất sâu rộng trong toàn Công ty với mục tiêu An toàn - Đổi mới - Phát triển.

- Công tác phối hợp với các đoàn thể, quần chúng trong Công ty và cơ quan chính quyền địa phương: Cùng với các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho CBCNV về nhiệm vụ SXKD và những giải pháp của Công ty; thực hiện tốt công tác phối hợp đẩy mạnh và phát động các phong trào thi đua LĐSX; công tác đảm bảo AT-VSLĐ; bảo vệ môi trường... tạo sự đồng lòng, quyết tâm thực hiện hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu được giao. Đối với chính quyền địa phương tăng cường hợp tác, phối hợp đảm bảo sự phát triển hài hòa trên địa bàn. Phối hợp tuần tra, kiểm soát chung giữa Công ty - UBND - Công an phường tại các khu vực ranh giới mở quản lý.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Trong năm 2021, Ban Giám đốc đã điều hành SXKD và các mặt hoạt động khác của Công ty đảm bảo đúng pháp luật, chỉ đạo của Tập đoàn, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đề ra và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty. Kết quả năm 2021, Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu theo Hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn TKV, đồng thời Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp ngân sách nhà nước.

Quá trình điều hành sản xuất linh hoạt, báo cáo thường xuyên với HĐQT về những vướng mắc phát sinh và trình HĐQT giải quyết kịp thời những nội dung công việc thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT. Do đó, mọi hoạt động SXKD của Công ty diễn ra bình thường, không bị ách tắc, Công ty hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch SXKD năm 2021; Kết quả SXKD của Công ty sau khi đã trích lập các khoản dự phòng và mua bảo hiểm đầy đủ cho các thiết bị, lợi nhuận vẫn còn do đó Công ty đã bảo toàn và phát triển được vốn.

Nền tài chính của Công ty lành mạnh, các nguồn vốn được sử dụng linh hoạt hiệu quả. Công tác tổ chức hạch toán kế toán đảm bảo đúng chế độ qui định của Nhà nước. Các hợp đồng kinh tế Công ty đã ký với các đối tác kinh doanh trong năm 2021 đều phù hợp với Luật Dân sự, Luật Thương mại và các quy định của Nhà nước, Tập đoàn TKV. Trong quá trình thực hiện hợp đồng không có tranh chấp giữa Công ty với các đối tác.

Công ty sử dụng lao động đúng theo quy định của Tập đoàn trong công tác quản lý lao động, tiền lương và phát triển nguồn nhân lực. Công ty áp dụng thang bảng lương và chế độ đối với người lao động theo các qui định của Nhà nước, Tập đoàn và của Công ty. Công ty đã ban hành phổ biến quy chế quản lý, sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng cũng như quy định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty. Mọi sản phẩm đều có đơn giá, tiền lương và thu nhập được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm, trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với cơ quan Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh Công ty chỉ đạo tốt các đơn vị, người lao động trong Công ty sản xuất hiệu quả, đảm bảo phát triển Công ty ổn định, bền vững.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch được giao và điều kiện thực tế của Công ty trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty đề ra một số giải pháp chỉ đạo chủ yếu như sau:

- Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao. Chỉ đạo Ban lãnh đạo điều hành xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đề ra. Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban điều hành và bộ máy giúp việc Công ty. Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022, đề xuất trình Đại hội những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo kết quả hoạt động của Công ty, để chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

- Giữ vững an toàn, an ninh trật tự trong sản xuất, bảo vệ tốt tài nguyên, ranh giới mỏ. Hướng ứng mục tiêu điều hành của TKV “*An toàn – Phát triển – Hiệu quả*”; Triển khai các giải pháp đồng bộ để chống lãng phí, thất thoát vốn, tài sản công, thực hành tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục rà soát và sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước, Tập đoàn và Công ty. Tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả, chất lượng công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi lĩnh vực của hoạt động SXKD nhằm chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện sơ hở, thiếu sót, không để xảy ra sai phạm hoặc vi phạm.

- Tăng cường hợp tác, phối hợp chính quyền địa phương đảm bảo sự phát triển hài hòa trên địa bàn, đặc biệt là phối hợp tốt với cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc quản lý ranh giới mỏ, quản lý khai thác, vận chuyển và kinh doanh than.

- Phối hợp các tổ chức Đảng, đoàn thể đẩy mạnh công tác truyền thông, tuyên truyền, hướng dẫn đến người lao động, công chúng và khách hàng cần thiết để tất cả mọi người trong đơn vị hiểu rõ, tạo sự đồng thuận, nhằm phát huy tối đa và tiềm năng lợi thế của toàn Công ty để thực hiện mục tiêu chung AN TOÀN – PHÁT TRIỂN – HIỆU QUẢ.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị:

a. Thay đổi thành viên HĐQT: Không có thay đổi

b. Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty.

- Ông: **Trần Thế Thành**, Chủ tịch HĐQT; Người đại diện phần vốn của TKV
- Ông: **Nguyễn Quế Thanh**, Thành viên HĐQT; Giám đốc Công ty
- Ông: **Vũ Tiến Quang**, Thành viên HĐQT; P.Giám đốc Công ty
- Ông: **Hoàng Trọng Hiệp** Thành viên HĐQT; P.Giám đốc Công ty
- Ông: **Vadym D'omin**, Thành viên HĐQT

Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 (năm) thành viên, trong đó 01 (một) thành viên chủ tịch Hội đồng quản trị; 02 (hai) thành viên không điều hành và 03 (ba) thành viên điều hành.

c) Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban. Các Phòng ban trong Công ty được giao nhiệm vụ đồng thời là các tiểu ban giúp việc cho HĐQT Công ty, tham mưu giúp HĐQT chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện SXKD đúng pháp luật, sử dụng lao động hợp lý, hiệu quả.

d) Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Hội đồng Quản trị Công ty đã thực hiện đúng và đầy đủ chức trách, nhiệm vụ của mình theo quy định của Luật và Điều lệ Công ty. Các kỳ họp Hội đồng Quản trị đều được chuẩn bị kỹ về nội dung, đảm bảo trình tự, đúng nguyên tắc, bám sát tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty để đưa ra các quyết định kịp thời cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Chỉ đạo triển khai xây dựng các kế hoạch, phương án sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của Công ty cho phù hợp với tình hình. Chỉ đạo công bố thông tin kịp thời, công khai minh bạch trong quản lý điều hành, thường xuyên giữ mối liên hệ và quan hệ với cổ đông theo đúng quy định của pháp luật. Thông qua để Giám đốc Công ty bổ nhiệm các cán bộ quản lý các phòng ban, đơn vị; hoàn thiện tổ chức bộ máy trong Công ty theo thẩm quyền.

- Các thành viên Hội đồng quản trị hoạt động theo lĩnh vực được phân công, phát huy khả năng, năng lực của mình, thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cần trọng nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. Các chủ trương lớn, các quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều có sự thống nhất cao, tuân thủ theo đúng nguyên tắc quy định là làm việc theo chế độ tập thể, các thành viên HĐQT đều tham gia các cuộc họp đầy đủ, đã chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông quyết nghị.

e) Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành


Trong năm 2021, ông Vadym D'omin là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của Hội đồng Quản trị, nhằm đảm bảo Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty đề ra.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Trong năm 2021 các thành viên HĐQT đã tham gia các lớp về quản trị Công ty được tổ chức tại Trường quản trị kinh doanh của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu ban Kiểm soát : Trong năm 2021, Ban kiểm soát của Công ty không có sự thay đổi.

Danh sách Ban kiểm soát năm 2021, bao gồm: 

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu (%)		Thời gian giữ chức tại Công ty
			Đại diện	Sở hữu	
1	Nguyễn Thị Tâm	Trưởng Ban		0	(01/01-- 31/12)/2020
2	Dương Hải Yên	Thành viên		0,010%	(01/01-- 31/12)/2020
3	Nguyễn Thế Hanh	Thành viên		0,009%	(01/01-- 31/12)/2020

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát: Trong năm 2021 Ban Kiểm soát Công ty cổ phần than Mông Dương - Viancomin tổ chức 06 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty, bao gồm:

- Tổ chức 04 cuộc họp để thực hiện kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện đầu tư XDCB và báo cáo tài chính hàng quý của Công ty, trong mỗi kỳ họp ban kiểm soát đều ban hành Biên bản làm việc tại cuối mỗi kỳ kiểm soát Ban Kiểm soát đã thống nhất biên bản và thông qua HĐQT, lãnh đạo điều hành Công ty để thống nhất các nhận xét đánh giá và kiến nghị của ban kiểm soát về hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, lãnh đạo điều hành Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB và tính cần trọng, trung thực trong báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty.

- Tổ chức 02 cuộc họp để tham gia thẩm định các dự án đầu tư và xây dựng kế hoạch SXKD hàng quý của Công ty.

- Tham các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty mời để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát công ty về việc tham gia các ý kiến trong quản lý điều hành và phê duyệt các kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư XDCB, thẩm định và thông qua các quy chế quản lý của Công ty.

- Năm 2021 Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của các cổ đông đang nắm giữ cổ phần của Công ty về sự vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành. Có được kết quả trên ngoài sự nỗ lực của các thành viên Ban kiểm soát còn có sự nhiệt tình phối hợp rất hiệu quả của các thành viên HĐQT, Ban giám đốc điều hành, các phòng chức năng quản lý của Công ty và của các cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

* *Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:* Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 với tổng số tiền là: 494,4 triệu đồng

* *Lương, thưởng của ban Giám đốc:* Ban giám đốc Công ty có 06 thành viên. Trong năm 2021. Công ty quyết toán quỹ lương cho Ban Giám đốc với tổng số tiền là: 2.655 triệu đồng

* Chi tiết lương và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc năm 2021 như sau:

DVT: Triệu đồng



STT	Chức danh	Số người	Tổng số	Trong đó:		Ghi chú
				Lương	Thù lao	
1	Hội đồng Quản trị	5	285,6		285,6	
2	Ban Kiểm soát	3	158,4		158,4	
3	Thư ký HĐQT Cty	1	50,4		50,4	
3	Ban Giám đốc	6	2.655	2.655		
	Tổng số		3.149,4	2.655	494,4	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Không có)

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Phụ lục số 2 kèm theo

d) Thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Trong năm 2021 các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Trích ý kiến kiểm toán viên theo Báo cáo số 14/2022/BCKT- PKF.VPC ngày 8 tháng 3 năm 2022 của Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam.

“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Than Mông Dương- Vinacomin, và được phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính Công ty đã được kiểm toán: Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn PKF Việt Nam. Công ty đã gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Địa chỉ Website của Công ty đăng tải BCTC là: mongduongcoal.vn

Công ty xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- UBCKNN, Sở GDCKHN, (b/c);
- Website Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban Giám đốc
- Lưu: VT, HĐQT (3)

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thế Thành

TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

(Bao gồm: Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng)

1) Lý lịch của Giám đốc điều hành Nguyễn Quế Thanh

Họ và tên: NGUYỄN QUẾ THANH

Giới tính: nam nữ

Số CCCD: 022068000994

Ngày tháng năm sinh: 19/8/1968;

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Địa chỉ thường trú: Tổ 19C, Khu 6, P.Quang Trung, TP Uông Bí, Q Ninh

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khai thác mỏ

Quá trình công tác:

- Từ tháng 4/1993 -:- tháng 9/1994- Công nhân khai thác lộ thiên - Xí nghiệp thăm dò than II

- Từ tháng 10/1994 -:- tháng 3/1999 Nhân viên Phòng Kỹ thuật - Mỏ than Yên Tử.

- Từ tháng 4/1999 -:- tháng 7/1999 Nhân viên Phòng Kỹ thuật - Xí nghiệp Than Nam Mẫu

- Từ tháng 8/1999 -:- tháng 4/2002 Phó Phòng Kỹ thuật – Xí nghiệp Than Nam Mẫu

- Từ tháng 5/2002 -:- tháng 2/2005 Trưởng Phòng Đầu tư – Xí nghiệp Than Nam Mẫu

- Từ tháng 3/2005 -:- tháng 2/2008 Trưởng Phòng Đầu tư – Công ty Than Uông Bí

- Từ tháng 3/2008 -:- tháng 2/2012 Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Than Uông Bí – Vinacomin

- Từ tháng 3/2012 -:- tháng 3/2014 Giám đốc; Bí thư Đảng uỷ Công ty TNHH MTV Than Hồng thái

- Từ tháng 4/2014 -:- tháng 3/2017 Giám đốc -; Phó Bí thư Đảng uỷ Công ty Than Hồng Thái – TKV

- Từ tháng 4/2017---:- tháng 4/2022 Giám đốc Bí thư Đảng uỷ Công ty CP than Mông Dương;

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Giám đốc - Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Bí thư Đảng uỷ.

- Từ tháng 4/2022 -:- nay Phó ban KCM Tập đoàn TKV

Số cổ phần đang nắm giữ:

0 cổ phần.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần;

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

2) Lý lịch của Phó Giám đốc Hoàng Trọng Hiệp

Họ và tên: HOÀNG TRỌNG HIỆP

Giới tính: nam nữ

Số CCCD: 022080008381, cấp ngày 12/8/2021

Ngày tháng năm sinh: 14 tháng 2 năm 1980

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Tổ 5 – Khu Phan Đình Phùng, Cẩm Tây, Cẩm Phả, Quảng Ninh

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khai thác mỏ

Quá trình công tác:

- Từ tháng 7/2001 -:- tháng 12/2004 Kỹ thuật viên phòng Công nghệ khai thác. Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 01/2005 -:- tháng 2/2006 Quyền phó phòng Công nghệ khai thác. Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 3/2006 -:- tháng 12/2006 Phó phòng Công nghệ khai thác. Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 01/2007 -:- tháng 3/2007 Phó phòng An toàn mỏ. Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 4/2007 -:- 11/2007 Quyền Trưởng phòng An toàn mỏ. Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 12/2007 -:- tháng 11/2008 Quyền Trưởng phòng Trung tâm điều hành an toàn – sản xuất. Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 12/2008 -:- tháng 5/2013 Trưởng phòng Trung tâm điều hành an toàn – sản xuất; Bí thư chi bộ khối điều hành; UVBCH Đảng bộ. Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 6/2013 -:- tháng 8/2013 Quản đốc công trường Đào lò 4. Công ty than Mông Dương

- Từ tháng 9/2013 -:- tháng 5/2014 Trưởng phòng Trung tâm điều hành an toàn – sản xuất. Công ty than Mông Dương

- Từ tháng 5/2014 -4/2022 Phó Giám đốc Công ty CP than Mông Dương. Công ty CP than Mông Dương.

- Từ tháng 4/2022 đến nay Giám đốc Công ty CP than Mông Dương. Công ty CP than Mông Dương

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BTV Đảng uỷ.

Số cổ phần đang nắm giữ: **921** cổ phiếu

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **921** cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

3) Lý lịch của Phó Giám đốc Vũ Tiến Quang

- Họ và tên: **VŨ TIẾN QUANG**

- Giới tính: nam nữ

- Số CMND: **101013120**;

- Ngày tháng năm sinh: **20/6/1972**;

- Quốc tịch: **Việt Nam.**

- Dân tộc: **Kinh.**

- Địa chỉ thường trú: **Tổ 1, Khu 2, Mông Dương, Cẩm Phả, Q.N**

- Trình độ văn hoá: **12/12**

- Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ khai thác mỏ;**

Quá trình công tác:

- Từ tháng 10/1999 -:- tháng 7/2002 Nhân viên phòng Kỹ thuật Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 8/2002 -:- tháng 10/2004 Phó phòng Kỹ thuật Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 11/2004 -:- tháng 11/2007 Trưởng phòng Kỹ thuật Công nghệ Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 12/2007 đến nay Phó giám đốc Công ty CP than Mông Dương

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BTV Đảng uỷ

Số cổ phần đang nắm giữ: **1.109** cổ phiếu

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **1.109** cổ phiếu;

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: **Không.**

-Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần):
 +Vợ Lê Thị Huệ: Số cổ phần đang nắm giữ: **4.785** cổ phiếu
 Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

4) Lý lịch của Phó Giám đốc Nguyễn Hữu Hùng

Họ và tên: NGUYỄN HỮU HÙNG

Giới tính: nam nữ

Số CMND: **100588463**,

Ngày tháng năm sinh: 17/4/1973

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: **Tổ 3 Khu 3B, Phường Cẩm Trung, C.Phả, QN**

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện khí hóa xí nghiệp

Quá trình công tác:

- Từ tháng 10/1994 ÷ tháng 8/1998 Công nhân Công ty Địa chất và khai thác khoáng sản.

- Từ tháng 9/1998 ÷ tháng 10/2000 Kỹ thuật viên P. CDVT Công ty than Dương Huy.

- Từ tháng 11/2000 ÷ tháng 3/2003 Kỹ thuật viên Công trường Xí nghiệp than Tân Lập.

- Từ tháng 4/2003 ÷ tháng 6/2003 Công nhân CT KT5 Công ty CP than Mông Dương.

- Từ tháng 7/2003 ÷ tháng 6/2008 PQĐ Công trường Cơ giới hầm lò Công ty CP than Mông Dương.

- Từ tháng 7/2008 ÷ tháng 9/2012 Phó phòng CDVT Công ty than Mông Dương.

- Từ tháng 10/2012 ÷ tháng 4/2018 Trưởng phòng CV Công ty CP than Mông Dương.

- Từ tháng 5/2018 đến nay Phó giám đốc Công ty CP than Mông Dương.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BCH Đảng uỷ.

Số cổ phần đang nắm giữ: **1.772** cổ phiếu

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **1.772** cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

5) Lý lịch của Phó Giám đốc Trần Mạnh Hà

Họ và tên: TRẦN MẠNH HÀ

Giới tính: nam nữ

Số CMND: 010079006411 ngày cấp 13/8/2021 - Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Ngày tháng năm sinh: 10/02/1979

Quốc tịch: Việt nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: **Số nhà 60 - Tổ 6 Khu Bình Minh - Phường Cẩm Bình - Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh**

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khai thác mỏ

- Từ tháng 9/2001 ÷ tháng 12/2001 Nhân viên phòng Công nghệ khai thác
- Từ tháng 01/2002 ÷ tháng 7/2002 Công nhân công trường khai thác 4
- Từ tháng 8/2002 ÷ tháng 4/2007 Nhân viên phòng Công nghệ khai thác
- Từ tháng 5/2007 ÷ tháng 6/2007 Phó phòng Trung tâm an toàn mỏ và sản xuất
- Từ tháng 7/2007 ÷ tháng 8/2007 PQĐ Công trường Khai thác 1
- Từ tháng 9/2007 ÷ tháng 12/2007 PQĐ Công trường Khai thác 3
- Từ tháng 01/2008 ÷ tháng 3/2014 Phó phòng Công nghệ khai thác
- Từ tháng 4/2014 ÷ tháng 5/2014 Phó phòng Trung tâm Điều hành An toàn
- Sản xuất
 - Từ tháng 6/2014 ÷ tháng 4/2017 Trưởng phòng Điều khiển sản xuất
 - Từ tháng 5/2017 ÷ tháng 5/2018 Ủy viên BCH Đảng ủy, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Điều khiển sản xuất, Trợ lý Giám đốc
 - Từ tháng 6/2018 ÷ tháng 6/2021 Ủy viên BCH Đảng ủy, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Điều khiển sản xuất
 - Từ tháng 7/2021 đến nay Ủy viên BCH Đảng ủy, Phó giám đốc Công ty CP than Mông Dương.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên BCH Đảng ủy.

Số cổ phần đang nắm giữ: 0 cổ phiếu

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không



Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không
 Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

6) Lý lịch của Phó Giám đốc Hòa Quang Trung

- Họ và tên: HÒA QUANG TRUNG
- Giới tính: nam nữ
- Số CMND: **100717533**;
- Ngày tháng năm sinh: 21/3/1961;
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: Đường Tô Hiệu, Cẩm trung, Cẩm Phả, QNinh
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ;
- Quá trình công tác:
 - Từ năm 1985 ÷ 1986 – Công nhân tập sự, Công trường KT4 mỏ Mông Dương.
 - Từ năm 1986 ÷ 1988 – Nhân viên phòng AT Mỏ Mông Dương
 - Từ năm 1988 ÷ 1990 – Đội trưởng Đội cấp cứu mỏ Mỏ Mông Dương
 - Từ năm 1990 ÷ 1997 - Phó phòng AT kiêm Đội trưởng Đội cấp cứu mỏ Mỏ Mông Dương
 - Từ năm 1997 ÷ 1999 - Trưởng phòng kỹ thuật – Xí nghiệp khai thác và TTKS, Công ty Địa chất
 - Từ năm 1999 ÷ 2000 - Trưởng phòng ATLD – Công ty Địa chất và TTKS
 - Từ năm 2000 ÷ 2003 - Phó phòng kỹ thuật – Công ty Địa chất và TTKS
 - Từ năm 2003 ÷ 2004 - Phó Giám đốc – Bí thư ĐU – Xí nghiệp than Đông bắc MD
 - Từ năm 2004 ÷ 2005 - Phó phòng TTDH SX Công ty CP than Mông Dương
 - Từ năm 2005 ÷ 2007 - Trưởng phòng Thông gió Công ty CP than Mông Dương
 - Từ năm 2007 ÷ 2008 - Trợ lý Giám đốc Công ty CP than Mông Dương
 - Từ năm 2008 ÷ 2009 - Trợ lý Giám đốc kiêm Trưởng phòng Thông gió Công ty CP than Mông Dương
 - Từ năm 2009 ÷ 2011 - Trợ lý Giám đốc kiêm Trưởng phòng An toàn Công ty than Mông Dương
 - Từ năm 2011 ÷ 7/2021 - Phó Giám đốc Công ty CP than Mông Dương
 - Từ năm 7/2021 ÷ nay Nghỉ chế độ hưu trí
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Số cổ phần đang nắm giữ: **3.486** cổ phiếu.

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: **3.486** cổ phiếu;

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không.

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không.

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không.

7) Lý lịch của Kế toán trưởng Phạm Cẩm Hải.

Họ và tên: PHẠM CẨM HẢI

Giới tính: nam nữ

Số CMND: **022082003610**;

Ngày tháng năm sinh: 30/9/1982

Quốc tịch: Việt nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: **Cẩm thành-Cẩm phả -Quảng Ninh**

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Từ tháng 3/2007 -:- tháng 09/2008: Công nhân thống kê sản lượng – Phòng Kế toán – Thống kê – Công ty CP than Mông Dương.

- Từ tháng 10/2008 -:- tháng 11/2013: Nhân viên Phòng Kế toán – Thống kê – Công ty CP than Mông Dương

- Từ tháng 12/2013 đến tháng 11/2018: Phó Phòng Kế toán – Thống kê – Công ty CP than Mông Dương.

- Từ tháng 12/2018 đến nay Kế toán trưởng; Bí thư chi bộ; UVBCH Đảng ủy Công ty CP than Mông Dương.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế Toán Trưởng;

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không;

Số cổ phần đang nắm giữ: không có;

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: không có;

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không;

Những người có liên quan (đang nắm giữ cổ phần): Không có;

Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không;

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

5

Phục lục số 02

**GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN &
GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT
ĐANG LÀ THÀNH VIÊN HĐQT TRONG THỜI GIAN 3 NĂM TRỞ LẠI ĐÂY**
(Ban hành kèm theo Báo cáo số **1070** /BC-TMD, ngày **18** /04/2022 của HĐQT)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH; Ngày cấp; Nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV). (Bao gồm các Chi nhánh trực thuộc Tập đoàn như: - Công ty Tuyển Than Cửa Ông - TKV; - Công ty Kho vận Cầm Phá - Vinacomin; - Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV)	Cổ đông lớn	Mã số DN: 5700100256; 21/10/2014 Sở KH&ĐT Hà Nội	Số 226, đường Lê Duẩn, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Từ năm 2021 đến khi có thay đổi khác		Hợp đồng mang tính nguyên tắc không có giá trị cụ thể. Đối với hợp đồng/ giao dịch có giá trị cụ thể, giá trị giao kết phải nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty tại Báo cáo tài chính ở thời điểm gần nhất	TKV Năm giữ 65% Vốn điều lệ của Công ty
2	Công ty cổ phần Vật tư - TKV	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Mã số DN: 5700100707; 25/06/2010; Sở KH&ĐT Quảng Ninh.	Tổ 1, khu 2, Phường Hồng Hà Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Từ năm 2021 đến khi có thay đổi khác		Hợp đồng nguyên tắc không có giá trị cụ thể. Đối với hợp đồng/ giao dịch có giá trị cụ thể, giá trị giao kết phải nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản	Chủ tịch HĐQT MDC là Chủ tịch HĐQT Công ty

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH; Ngày cấp; Nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
3	Công ty cổ phần Du lịch và Thương mại – Vinacomin	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Mã số DN: 0100101298; 01/11/2004; Sở KH&ĐT Hà Nội	Tòa nhà Việt Á, Duy Tân, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Từ năm 2021 đến khi có thay đổi khác		Hợp đồng mang tính nguyên tắc không có giá trị cụ thể. Đối với hợp đồng/ giao dịch có giá trị cụ thể, giá trị giao kết phải nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty tại Báo cáo tài chính ở thời điểm gần nhất	Chủ tịch HĐQT MDC là Chủ tịch HĐQT Công ty
4	Công ty cổ phần than Hà tu - Vinacomin	Có cùng Chủ tịch HĐQT	Mã số DN: 5700101323; Sở KH&ĐT Quảng Ninh	Tổ 6 - Khu 3 - Phường Hà Tu - Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh	Từ năm 2021 đến khi có thay đổi khác		Chưa phát sinh giao dịch	Chủ tịch HĐQT MDC là Chủ tịch HĐQT Công ty
5	Công ty cổ phần than Đèo Nai-Vinacomin	Có cùng Thành viên HĐQT	Mã số DN: 5700101002; 15/12/2019; Sở KH&ĐT Quảng Ninh	Phường Cẩm tây-TP.Cẩm Phả-Quảng Ninh	Từ năm 2021 đến khi có thay đổi khác		Chưa phát sinh giao dịch	Chủ tịch HĐQT MDC là Thành viên HĐQT Công ty
6	Công ty cổ phần đồng Tà phời-Vinacomin	Có cùng Trưởng ban kiểm soát	Mã số DN: 530025299 Sở KH&ĐT Lào Cai	Phường Bắc Cường, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai,	Từ năm 2021 đến khi có thay đổi khác		Chưa phát sinh giao dịch	Trưởng ban kiểm soát MDC là Trưởng ban

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH; Ngày cấp; Nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCB/HĐQT thông qua (nếu có nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, Số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
				Việt Nam				kiểm soát Công ty
7	Công ty cổ phần cơ khí mô và đóng tàu - TKV	Có cùng thành viên ban kiểm soát	Mã số DN: 5700479764; Sở KH&ĐT Quảng Ninh	Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Từ năm 2021 đến khi có thay đổi khác		Chưa phát sinh giao dịch	Trưởng ban kiểm soát MDC là thành viên ban kiểm soát Công ty

hoc